TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/DS-ST
Ngày 25 – 6 – 2024
V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2. Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2024/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều C, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Tân Quảng Đ, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Rạch C, xã Rạch C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Lê Thị Kiều C (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 30/4/2021 (âm lịch viết tắt AL), bà mở dây hụi 1.000.000 đồng, có 85 chân, hụi khui tháng 02 lần vào các ngày 15 và 30 hàng tháng, bà T chơi 01 chân đến ngày 30/12/2021, bà T hốt hụi, dây hụi mãn vào ngày 30/09/2024 (AL). Tiếp đến ngày 15/11/2021 (AL), bà mở dây hụi 1.000.000 đồng, có 81 chân, tháng khui hai lần vào các ngày 15 và 30 hàng tháng, bà T chơi 01 chân và hốt hụi vào ngày 15/4/2022, hụi mãn vào ngày 15/02/2025 (AL).

Cả hai dây hụi này, bà T không đóng lại hụi chết nên ngày 08/02/2023 (AL), bà cùng với bà T đối chiếu số tiền hụi chết và bà T có ký vào giấy nợ số tiền hụi chết của hai dây hụi là 34.500.000 đồng. Đến ngày 15/02/2023 (AL), bà tuyên bố đình hụi nên ngày 27/10/2023, bà T ký tiếp giấy nợ với số tiền 34.000.000 đồng. Lẽ ra, số tiền nợ hụi theo hai giấy nợ trên và số tiền theo biên nhận ngày

20/4/2022, bà T nợ bà số tiền 233.500.000 đồng nhưng do cộng nhằm nên bà ghi số tiền bà T nợ tại thời điểm đó là 229.000.000 đồng, nếu tính từ ngày hốt hụi đến ngày hụi mãn của cả hai dây hụi trên, bà T nợ tổng số tiền là 137.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian đình hụi cho đến ngày 15/02/2024 (Al) bà T đã trả được số tiền hụi chết là 18.000.000 đồng nên đối trừ thì bà T còn nợ lại số tiền hụi chết là 119.000.000 đồng. Ngoài ra, trước đó bà T còn nợ bà số tiền 165.000.000 đồng, bà T có viết giấy nhận nợ vào ngày 20/4/2022. Tại tòa, bà C xác định tính đến ngày hụi mãn của hai dây hụi trên và số tiền nợ theo biên nhận ngày 20/4/2022, bà T còn nợ các khoản với tổng số tiền là 284.000.000 đồng. Đối với việc bà T cho rằng vào ngày 27/10/2023, hai đên đã đối chiếu số tiền nợ còn thiếu trước đó, số tiền hụi chết còn nợ của hai dây hụi trên với tổng số tiền 229.000.000 đồng và bà T chỉ đồng ý trả số tiền này, bà C không đồng ý và cho rằng, tại thời điểm đối chiếu chỉ tính đến ngày đình hụi chứ không tính đến ngày mãn hụi. Nay bà C yêu cầu bà T trả một lần xong số tiền nợ 284.000.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Phạm Thị T (bị đơn) trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà C về việc bà tham gia chơi hai dây hụi trên là đúng nhưng thời gian lâu quá bà không còn nhớ số tiền hụi hốt, số tiền hụi chết đã đóng lại cho bà C sau khi hốt hụi, số tiền hụi chết còn nợ lại và trong thời gian hụi đình, bà có ký giấy nhận nợ vào các ngày 20/4/2022, 08/02/2023 và ngày 27/10/2023 cho bà C. Cùng ngày 27/10/2023, giữa bà với bà C đã cùng nhau đối chiếu, kết toán nợ và bà C có viết giấy nợ xác nhận bà chỉ còn nợ số tiền là 229.000.000 đồng nên các giấy nợ trước đây không có giá trị, xem như hủy bỏ. Tại tòa, bà T thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà C các khoản với số tiền 229.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng về hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, bị đơn đã lĩnh hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi, hiện các dây hụi đã bị đình vào ngày 15/02/2023. Bên cạnh đó, bị đơn còn ký nhận nợ nguyên đơn số tiền 165.000.000 đồng vào ngày 20/4/2022 nhưng đến nay, bị đơn vẫn không trả nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chơi hụi giữa các đương sự tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hụi viên, được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hụi, thời gian hốt hụi, thời gian đình hụi và ngưng đóng hụi nên không phải chứng minh. Tuy bị đơn cho rằng hai bên đã kết toán với nhau vào ngày 27/10/2023 với số tiền các khoản còn nợ là 229.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này. Xét thấy lời trình bày của bị đơn chưa có cơ sở chấp nhận bởi lẽ các chân hụi bị đơn tham gia trong hai dây hụi nêu trên, bị đơn đã hốt xong nên bị đơn phải có trách nhiệm góp lại hụi chết để

nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ đối với các hụi viên khác chưa hốt hụi. Do sau khi hốt hụi, bị đơn không đóng lại hụi chết, nên hai bên mới đối chiếu số tiền nợ hụi tại thời điểm bị đơn ký giấy nợ từ đó nguyên đơn mới xác định bị đơn đã đóng hụi chết đến ngày 15/02/2023 (ngày đình hụi) và khi khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ngoài trả số tiền theo các biên nhận ngày 20/4/2022, 08/02/2023 và ngày 27/10/2023, bị đơn còn phải trả mỗi dây hụi là 08 kỳ hụi chết tính từ ngày 15/10/2023 (Al) đến ngày 15/02/2024 (Al nhằm ngày 24/3/2024 dương lịch) với số tiền mỗi chân là 8.000.000 đồng mà không yêu cầu đến ngày mãn hụi của hai dây hụi là có cơ sở. Mặc dù, căn cứ theo các giấy nợ bị đơn đã ký số tiền nợ là 233.500.000 đồng nhưng nguyên đơn chốt nợ vào ngày 27/10/2023 với số tiền là 229.000.000 đồng là do có nhầm lẫn khi tính toán. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ tính số tiền 229.000.000 đồng – Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận.

Bên cạnh đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi tính từ ngày 15/02/2024 (Al) đến ngày hụi mãn của hai dây hụi với số tiền 56.000.000 đồng. Xét thấy, tuy nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng việc thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện vì trong hai dây hụi trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn, nếu chỉ căn cứ theo đơn yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn còn phải kiện bị đơn thêm vụ kiện khác cũng cùng hai dây hụi này tính từ ngày 15/02/2024 (Al) cho đến ngày mãn hụi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi chết cho đến ngày hụi mãn và số tiền bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn lẽ ra là (229.000.000 đồng + 56.000.000 đồng) = 285.000.000 đồng nhưng nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 284.000.000 đồng nên chấp nhận sự tự nguyện trên là phù hợp.

[3] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ, bị đơn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về thời gian, phương thức thanh toán nợ và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Đối với nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều C.

Buộc bà Phạm Thị T trả cho bà Lê Thị Kiều C số tiền là 284.000.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, bà T không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Phạm Thị T phải nộp số tiền là 14.200.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Bà Lê Thị Kiều C không phải nộp. Ngày 27/3/2024, chị C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 6.125.000 đồng (sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003341 được trả lại toàn bộ cho bà C.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân